TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST Ngày 02 tháng 11 năm 2018 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Đang;

+ Ông Lê Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hồng H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 4, xã Y, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Ninh Đức T, sinh năm 1985.

Nơi làm việc: Trường Q (địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình)

Tại phiên tòa: Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản khai; biên bản đối chất; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Ninh Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2014 tại UBND thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 3/2015 cho đến nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp, không thể quay về đoàn tụ được. Hiện nay hai bên không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Tháng 3/2018 chị đã nộp đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị đã rút đơn để giải quyết một số việc riêng của vợ chồng chị, kể từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Ninh Đức T được ly hôn. Về con chung: Chị và anh Ninh Đức T không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng: Chị H có 01 con riêng tên là Ninh Gia N, sinh ngày 15/1/2015, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phần con riêng. Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản khai; biên bản đối chất và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa; bị đơn là anh Ninh Đức T trình bày:

Về quá trình đăng ký hết hôn của anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị thỉnh thoảng có cãi nhau việc đưa cháu N về nhà ông bà nội chơi, gia đình anh chị không có bạo lực sảy ra trong gia đình. Kể từ khi đăng ký kết hôn, chị H ở nhà bố mẹ anh từ tháng 2/2014 đến khoảng tháng 6/2014 thì chị H sang thành phố Tam Điệp để làm việc, anh chị thuê phòng trọ ở gần đơn vị anh. Tuy nhiên do anh làm việc trong quân đội nên không được ra ngoài sinh sống thường xuyên với chị H, chỉ tối thứ 4 và ngày nghỉ anh về phòng trọ ở cùng chị H. Đến khoảng cuối năm 2014 chị H mang thai đã về ở hẳn bên nhà bố mẹ đẻ chị H. Khi chị H về bên ngoại ở thì có hỏi ý kiến anh và anh đã đồng ý với lý do là chị H về mở cửa hàng kinh doanh. Khi cháu Ninh Gia N được khoảng 2 tuổi thì xảy ra việc cãi nhau là chị H không muốn đưa cháu N về nhà bố mẹ anh chơi. Anh xác nhận anh chị sống ly thân và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Chị H đã một lần làm đơn ra Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu được ly hôn với anh nhưng sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì anh đã có biện pháp khắc phục là yêu cầu chị H sang nhà bố mẹ đẻ anh để làm rõ lý do tại sao cháu N không phải là con anh nhưng chị H không đến nhà bố mẹ đẻ anh. Sau đó anh cũng không có biện pháp gì thêm để níu kéo chị H quay về đoàn tụ. Những lý do mà chị H nêu ra anh không đồng ý, việc anh yêu thương và chăm sóc cháu N là đúng. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị H nữa, chị H không làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh cũng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H nhưng hiện nay anh chưa nhất trí ly hôn. Về con chung: anh và chị H không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng: chị H có con riêng như chị H trình bày là đúng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần con riêng của chị H. Về chia tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Ninh Đức T. Về con chung, con riêng của chị H, về chia tài sản: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Ninh Đức T trình bày: Anh không còn tình cảm với chị H nữa nhưng anh không nhất trí ly hôn với lý do chị H phải gặp anh và gia đình anh trình bày lý do tại sao chị H đang là vợ anh mà lại có con riêng.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án: áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T. Về con chung, con riêng của chị H, chia tài sản: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Ngày 03/10/2018 chị Mai Thị Hồng H có Đơn xin xác nhận về việc chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2015 cho đến nay (Đơn đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Nam Định xác nhận).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Mai Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn. Bị đơn có nơi làm việc tại địa chỉ tổ 1, phường Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/02/2014 tại UBND thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị H trình bày là do tính tình không hợp, khác biệt quan điểm sống, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 3/2015 cho đến nay. Anh T trình bày vợ chồng anh thỉnh thoảng có cãi nhau về việc đưa con về nhà ông bà nội chơi, hiện nay anh không còn tình cảm với chị H nữa, chị H không làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh cũng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với

chị H nhưng anh không nhất trí ly hôn với lý do chị H phải gặp anh và gia đình anh trình bày lý do tại sao chị H đang là vợ anh mà lại có con riêng. Với những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Tòa án có đủ căn cứ để xác định: Vợ chồng chị H, anh T không thương yêu, quý trọng nhau; người nào chỉ biết bổn phận người đó. Mặc dù chị H đã một lần làm đơn ra Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu được ly hôn với anh T nhưng sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện. Từ ngày Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (ngày 25/5/2018) đến nay chị H và anh T vẫn sống ly thân, không chung sống với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. Bản thân chị H và anh T đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Hồng H là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc anh T yêu cầu chị H phải gặp anh và gia đình anh trình bày lý do tại sao chị H đang là vợ anh mà lại có con riêng. Tòa án xét thấy: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H có con riêng là có thật, anh T và chị H đều thống nhất cháu Ninh Gia N không phải là con đẻ của anh Ninh Đức T (thể hiện tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T). Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng chị và anh T có sinh hoạt vợ chồng nhưng không đậu thai được nên chị xin tinh trùng của người khác để có một đứa con vì chị là phụ nữ nên cũng có mong muốn được làm mẹ như những người phụ nữ khác, còn người cho chị tinh trùng thì chị được thực hiện quyền giữ bí mật. Ngoài lời trình bày và yêu cầu chị H phải gặp anh T và gia đình anh T trình bày lý do tại sao chị H đang là vợ anh T mà lại có con riêng thì anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh chị H đang là vợ anh mà lại chung sống như vợ chồng với người khác.

*. *Về con chung:* Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T không có con chung nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. *Về con riêng của chị H, về chia tài sản*: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T.

2. Về con chung: Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T không có con chung nên chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về con riêng của chị Mai Thị Hồng H: Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị Mai Thị Hồng H và anh Ninh Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001313 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; chị Mai Thị Hồng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*